

**TOÁN**

**Tiết 50 : PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 8**

**I. MỤC TIÊU :**

**1.Kiến thức :** Củng cố khái niệm phép trừ.Thành lập và ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 8.

**2.Kĩ năng :** Biết làm tính trừ trong phạm vi 8.

**3.Thái độ :**GD hs yêu thích học toán

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

-GV: BDD Toán.

-HS: Bảng nhóm.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
4'	<b>I. KTBC:</b>	- Cho hs nêu bảng cộng trong phạm vi 8? - Tính: $7 - 2 + 3 =$ $3 - 0 + 4 =$ $6 - 3 + 5 =$ $6 - 5 + 7 =$ - Nhận xét chung.	- 2 HS. - 2 HS.
1'	<b>II. Bài mới:</b> 1. Giới thiệu bài:	- Giới thiệu Bài: Phép trừ trong phạm vi 8. * $8 - 1 = 7$	- Nhắc lại. - Thực hành.
8'	2. Tìm hiểu bài: a. Hướng dẫn học sinh thành lập bảng trừ trong phạm vi 8:	+ Cho HS lấy ra 8 hình tam giác, tách thành 2 nhóm: 1 hình tam giác và 7 hình tam giác. + Bớt đi 1 hình tam giác. YC HS nêu bài toán. + Nhận xét. + Cho HS nhắc lại. - Bước 2: 8 bớt 1 còn mấy? - Bước 3: Ta viết 8 bớt 1 còn 7 như sau: + Viết: $8 - 1 = 7$ . + Đọc: Tám trừ một bằng bảy. * $8 - 7 = 1$ - Vẫn có 8 hình tam giác, nếu không bớt 1 mà bớt 7. YC HS	- 1 HS nêu bài toán: Có 8 hình tam giác, bớt 1 tam giác. Hỏi còn bao nhiêu hình tam giác? - Nhận xét bài toán. - 1 HS. - 8 bớt 1 còn 7.  - Cá nhân, đồng thanh. - 1 HS nêu bài toán: Có 8 hình tam giác, bớt 7 tam giác. Hỏi còn bao nhiêu hình tam giác? - 1 HS nêu: $8 - 7 = 1$ .

<p>3'</p> <p>15'</p> <p>4'</p>	<p>b. Hướng dẫn HS ghi nhớ bảng trừ:</p> <p>Nghỉ giữa giờ</p> <p>3. Thực hành:</p> <p>a. Bài 1: Tính</p> <p>b. Bài 2: Tính</p> <p>c. Bài 3: Tính</p> <p>d. Bài 4: Viết ptth</p> <p>II. Cùng cố - dặn dò:</p>	<p>nêu bài toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS nêu phép tính tương ứng với bài toán.</li> <li>- Ghi bảng: <math>8 - 7 = 1</math>.</li> <li>- Đọc: Tám trừ bảy bằng một.</li> <li>* <math>8 - 2 = 6</math> và <math>8 - 6 = 2</math></li> <li>* <math>8 - 3 = 5</math> và <math>8 - 5 = 3</math></li> <li>* <math>8 - 4 = 4</math></li> </ul> <p>(Tương tự)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xóa lần lượt các số trong bảng trừ.</li> <li>- Gọi HS xung phong đọc thuộc bảng trừ.</li> <li>Cho HS làm bài tập SGK tr69.</li> <li>- Gọi HS nêu YC.</li> <li>- Cho HS tự làm bài</li> <li>Chốt: Chú ý cách tính viết.</li> <li>Các số phải đặt thẳng cột.</li> <li>- Gọi 1 HS nêu YC.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>- Chữa bài.</li> <li>Chốt: Lấy kết quả phép cộng trừ đi số này thì được số kia.</li> <li>- Gọi HS nêu YC.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>NX: <math>8 - 4 = 8 - 1 - 3 = 8 - 2 - 2</math></li> <li>- YC HS nêu đầu bài dưới dạng lời văn.</li> <li>- Khuyến khích HS đặt đề toán hay và đúng.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>- Tổ chức chữa bài.</li> <li>- Trò chơi: Ai nhanh hơn.</li> <li>+ Chia 2 nhóm, 4 HS/nhóm.</li> <li>+ Mỗi nhóm có các thẻ bìa như sau: +, -, =, 6, 8, 2.</li> <li>+ Thời gian giống nhau, nếu nhóm nào giải các phép tính nhanh nhất và đúng, nhóm đó</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân, đồng thanh.</li> <li>- Đồng thanh, cá nhân.</li> <li>- 1 - 2 HS.</li> <li>- Hát.</li> <li>HS mở SGK trang 69.</li> <li>- 1 HS nêu: Bài 1: Tính.</li> <li>- HS làm vào vở ô li.</li> <li>- 2 HS lên bảng chữa bài.</li> <li>- Nhận xét bạn.</li> <li>- 1 HS nêu: Bài 2: Tính.</li> <li>- HS làm bài vào sách.</li> <li>- 4 HS đọc bài làm.</li> <li>- Lốp đối chiếu Đ - S.</li> <li>- 1 HS nêu: Bài 3: Tính.</li> <li>- HS làm bài vào sách.</li> <li>- 3 HS chữa bài.</li> <li>- 2 HS nêu.</li> <li>- HS làm vào sách.</li> <li>- 2 HS lên bảng.</li> <li>- Nhận xét bạn.</li> <li>- 2 nhóm HS chơi.</li> <li>- Lốp cổ vũ.</li> </ul>
--------------------------------	--	--	---

## HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

---

		sẽ thắng cuộc. - Nhận xét, trao thưởng. - Bài sau: Luyện tập.	
--	--	---	--

Rút kinh nghiệm - bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

hoc360.net

**TOÁN**

**Tiết 51: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU :**

**1.Kiến thức :** Củng cố phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 8.

**2.Kĩ năng :** Biết làm phép cộng, trừ (nhẩm, viết) trong phạm vi 8.

**3.Thái độ :** GD hs yêu thích học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: Bảng nhóm.

- HS: BDD

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
5'	<b>I. KTBC:</b>	- Gọi hs nêu bảng cộng, trừ trong phạm vi 8? - Tính: $8 - 2 - 3 =$ $7 - 5 + 6 =$ $8 - 4 - 2 =$ $8 - 3 + 1 =$ - Nhận xét chung.	- 2 HS.  - 2 HS.
1'	<b>II. Bài mới:</b> 1. Giới thiệu bài:	- Giới thiệu Bài: Luyện tập.	- Nhắc lại.
25'	2. Luyện tập:  a. Bài 1: Tính	- Hướng dẫn HS làm bài tập trong SGK tr 75. - Gọi 1 HS nêu YC. - Cho HS tự làm vào vở. - Chữa bài. Chốt: Mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.	- HS mở SGK trang 75.  - 1 HS nêu: Bài 1: Tính. - HS làm vở. - 2 HS lên bảng. - Lốp đổi vở chữa bài.
	b. Bài 2: Tính	- Gọi 1 HS nêu YC. - Cho HS tính nhẩm và điền vào sách. - Tổ chức chữa bài.  Chốt: Sử dụng các phép cộng, trừ đã học.	- 1 HS nêu: Bài 2: Tính. - HS làm vào sách.  - 3 HS đọc kết quả. - Lốp đổi chiếu Đ - S.
	Nghỉ giữa giờ		- Hát.
	c. Bài 3: Tính	- Hướng dẫn cách làm 1 phép	- Theo dõi.

	d. Bài 4: Viết ptth	tính. - Cho HS tự làm. - Tổ chức chữa bài. Chốt: Tính từ trái sang phải. - Gọi 1 HS nêu YC. - YC HS nêu bài toán. - Khuyến khích HS đặt đề toán hay và đúng. - Cho HS tự làm. - Tổ chức chữa bài.	- HS tự làm vào sách. - Chữa bài bảng nhóm. - 1 HS nêu: Bài 4: Viết ptth. - 2 - 3 HS nêu. - Nhận xét.  - HS làm bài vào sách. Đ/A: $8 - 2 = 6$ $8 - 6 = 2$
	e. Bài 5: Trò chơi	- Gọi 1 HS nêu YC.  - GV phổ biến cách chơi. - Gọi 2 HS lên chơi. - Nhận xét bài và chữa bài.	- 1 HS nêu: Bài 5: Nói với số thích hợp.  - 2 HS lên nói. - Nhận xét. và giải thích cách làm.
5'	<b>III. Cũng cố - dặn dò:</b>	- Đọc các phép cộng, trừ trong phạm vi 8. - Bài sau: Phép cộng trong phạm vi 9.	

TOÁN

Tiết 52 : PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 9

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Tiếp tục hình thành khái niệm về phép cộng. Thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 9.

2. Kỹ năng : Biết làm phép cộng (nhẩm, viết) trong phạm vi 9.

3. Thái độ : GD hs yêu thích học toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

-GV: BDD Toán

-HS: Bảng nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
4'	<b>I. KTBC:</b>	- Phân tích: 9 gồm mấy và mấy? - 9 lớn hơn những số nào? - Số nào đứng liền sau số 8? - Nhận xét.	- 3,4 HS. - 1 HS. - 1 HS.
1'	<b>II. Bài mới:</b> 1. Giới thiệu bài: 2. Tìm hiểu bài:	- Giới thiệu Bài: Phép cộng trong phạm vi 9.	- Nêu lại(3hs)
8'	a. Hướng dẫn học sinh thành lập bảng cộng trong phạm vi 9:	- Hướng dẫn HS thao tác ĐD lấy 8 hình tam giác, thêm 1 hình tam giác và nêu bài toán. - 8 thêm 1 được mấy? - Viết: $8 + 1 = 9$ . - Đọc: 8 cộng 1 bằng 9. - Cho HS đọc lại. - Tương tự thì 1 cộng 8 bằng mấy? - Cho HS đọc lại. - Gọi HS nhận xét:	- Thực hành, nêu bài toán: Có 8 hình tam giác, thêm 1 hình tam giác nữa. Hỏi có tất cả mấy hình tam giác? - 8 thêm 1 được 9. - Dãy, ĐT. - 1 cộng 8 bằng 9. - Dãy, ĐT. - Khi đổi chỗ 2 số của phép

3'	b. Hướng dẫn HS ghi nhớ bảng cộng: Nghỉ giữa giờ	<p><math>1 + 8</math> và <math>8 + 1</math></p> <p>* <math>7 + 2 = 9</math> và <math>2 + 7 = 9</math></p> <p>- Chú ý: Nếu HS không gặp khó khăn trong việc nêu bài toán và có thể tự viết được kết quả <math>7 + 2 = 9</math> thì không cần lặp lại tất cả các bước như trên. Với phép cộng <math>2 + 7 = 9</math> cũng hướng dẫn tương tự.</p> <p>* <math>6 + 3 = 9</math> và <math>3 + 6 = 9</math></p> <p>* <math>5 + 4 = 9</math> và <math>4 + 5 = 9</math></p> <p style="text-align: center;">(Tương tự)</p> <p>- Gọi HS đọc cả bảng cộng xuôi, ngược.</p> <p>- Xoá dần bảng cộng, cho HS đọc.</p>	<p>cộng thì kết quả không thay đổi.</p> <p>- Cá nhân, đồng thanh.</p> <p>- Đồng thanh, cá nhân.</p> <p>- Hát.</p>
15'	3. Thực hành: a. Bài 1: Tính  b. Bài 2: Tính	<p>- Gọi HS nêu YC.</p> <p>- Cho HS tự làm bài</p> <p>Chốt: Chú ý cách tính viết. Các số phải đặt thẳng cột.</p> <p>- Gọi 1 HS nêu YC.</p> <p>- Cho HS tự làm.</p> <p>- Chữa bài.</p>	<p>- 1 HS nêu: Bài 1: Tính.</p> <p>- HS làm vào vở ô li.</p> <p>- 2 HS lên bảng chữa bài.</p> <p>- Nhận xét bạn.</p> <p>- 1 HS nêu: Bài 2: Tính.</p> <p>- HS làm bài vào sách.</p> <p>- 4 HS đọc bài làm.</p> <p>- Lốp đối chiếu Đ - S.</p>
	c. Bài 3: Tính	<p>Chốt: Một số cộng với 0 bằng chính số đó.</p> <p>- Gọi HS nêu YC.</p> <p>- Cho HS tự làm.</p>	<p>- 1 HS nêu: Bài 3: Tính.</p> <p>- HS làm bài vào sách.</p> <p>- 3 HS chữa bài.</p> <p>- Tính từ trái qua phải.</p>
	d. Bài 4: Viết ptth	<p>Chốt: Khi tính thực hiện theo thứ tự như thế nào?</p> <p>- YC HS nêu đầu bài dưới dạng lời văn.</p> <p>- Khuyến khích HS đặt đề toán hay và đúng.</p>	<p>- 2 HS nêu.</p>

4'	<b>III. Cũng cố - dặn dò:</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS tự làm.</li><li>- Tổ chức chữa bài.</li> <li>- YC HS đọc các phép cộng có kết quả là 9.</li><li>- Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS làm vào sách.</li><li>- 2 HS lên bảng.</li><li>- Nhận xét bạn.</li><li>- 2 - 3 HS đọc.</li></ul>
----	-----------------------------------	--	---

Rút kinh nghiệm - bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

hoc360.net



**TOÁN**

**Tiết 53: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 9**

**I. MỤC TIÊU :**

**1.Kiến thức :** Tiếp tục hình thành khái niệm về phép trừ. Thành lập và ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 9.

**2.Kĩ năng :** Biết tính cộng, trừ (nhẩm, viết) trong phạm vi 9.

**3.Thái độ :**GD hs yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

-GV: BDD Toán.

-HS: Bảng nhóm.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :**

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
4'	<b>I. KTBC:</b>	- Đọc bảng cộng trong phạm vi 7,8? - Số? $9 + \dots = 9$ $4 + 2 + 3 = \dots$ $\dots + 6 = 9$ $2 + 3 + 4 = \dots$ - Nhận xét chung.	- 2 HS.  - 2 HS.
1'	<b>II. Bài mới:</b> 1. Giới thiệu bài: 2. Tìm hiểu bài: a. Hướng dẫn học sinh thành lập bảng trừ trong PV9:	- Giới thiệu Bài: Phép trừ trong phạm vi 9.  * $9 - 1 = 8$ - Bước 1: + Cho HS lấy ra 9 hình tam giác, tách thành 2 nhóm: 1 hình tam giác và 8 hình tam giác. Bớt 1 hình tam giác. YC HS nêu bài toán.  + Cho HS nhắc lại đầu bài.	- Nhắc lại.
8'			- HS thực hành. - 1 HS nêu bài toán: Có 9 hình tam giác, bớt 1 tam giác. Hỏi còn bao nhiêu hình tam giác? - Nhận xét. - 1 HS.

<p>3'</p> <p>b. Hướng dẫn HS ghi nhớ bảng trừ:</p> <p>Nghi 5'</p> <p>3. Thực hành:</p> <p>15'</p> <p>a. Bài 1: Tính</p> <p>b. Bài 2: Tính</p> <p>c. Bài 3: Số?</p> <p>d. Bài 4: Viết ptt</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 2: 9 bớt 1 còn mấy?</li> <li>- Bước 3: Ta viết 9 bớt 1 còn 8 như sau:</li> <li>+ Viết: <math>9 - 1 = 8</math>.</li> <li>+ Đọc: Chín trừ một bằng tám.</li> <li>* <math>9 - 8 = 1</math></li> <li>- Vẫn có 9 hình tam giác bớt 8 hình tam giác.</li> <li>- Cho HS lập phép tính.</li> <li>- Ghi bảng: <math>9 - 8 = 1</math>.</li> <li>- Đọc: Chín trừ tám bằng một.</li> <li>* <math>9 - 2 = 7</math> và <math>9 - 7 = 2</math></li> <li>* <math>9 - 3 = 6</math> và <math>9 - 6 = 3</math></li> <li>* <math>9 - 5 = 4</math> và <math>9 - 4 = 5</math></li> <li style="text-align: center;">(Tương tự)</li> <li>- Xóa lần lượt các số trong bảng trừ.</li> <li>- Gọi HS xung phong đọc thuộc bảng trừ.</li> <li>Cho HS làm bài tập SGK tr78.</li> <li>- Gọi HS nêu YC.</li> <li>- Cho HS tự làm bài</li> <li>Chốt: Chú ý cách tính viết. Các số phải đặt thẳng cột.</li> <li>- Gọi 1 HS nêu YC.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>- Chữa bài.</li> <li>Chốt: Mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.</li> <li>- Gọi HS nêu YC.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>Chốt: củng cố về cấu tạo của số 9.</li> <li>- YC HS nêu đầu bài dưới dạng lời văn.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 9 bớt 1 còn lại 8.</li> <li>- Cá nhân, đồng thanh.</li> <li>- HS giải: <math>9 - 8 = 1</math>.</li> <li>- Cá nhân, đồng thanh.</li> <li>- Đồng thanh, cá nhân.</li> <li>- 1 - 2 HS.</li> <li>- Hát.</li> <li>- HS mở SGK</li> <li>- 1 HS nêu: Bài 1: Tính.</li> <li>- HS làm vào vở ô li.</li> <li>- 2 HS lên bảng chữa bài.</li> <li>- Nhận xét bạn.</li> <li>- 1 HS nêu: Bài 2: Tính.</li> <li>- HS làm bài vào sách.</li> <li>- 4 HS đọc bài làm.</li> <li>- Lốp đối chiếu Đ - S.</li> <li>- 1 HS nêu: Bài 3: Số?</li> <li>- HS làm bài vào sách.</li> <li>- 3 HS chữa bài.</li> <li>- 2 HS nêu.</li> <li>- HS làm vào sách.</li> </ul>
--	---	---

4'	<b>II. Cũng cố - dặn dò:</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HD hs chữa bài.</li> <li>- Đọc lại bảng trừ trong phạm vi 9.</li><li>- Bài sau: Luyện tập.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- 2 HS lên bảng.</li><li>- Nhận xét bạn.</li><li>Đ/A: <math>9 - 4 = 5</math>; <math>9 - 5 = 4</math></li><li>- 2 - 3 HS đọc.</li> <li>2 HS.</li></ul>
----	----------------------------------	--	---

Rút kinh nghiệm - bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....